

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 18/2022/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác
Y tế dự phòng - Dân số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác Y tế dự phòng - Dân
số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 238/BC-HĐND ngày 06 tháng
12 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác Y tế dự phòng - Dân số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

3. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Khi Trung ương ban hành quy định mới

về nội dung chi, mức chi cho công tác Y tế dự phòng - Dân số thì áp dụng theo quy định của Trung ương.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa X, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH
MỘT SỐ NỘI DUNG CHI, MỨC CHI ĐẶC THÙ CHO CÔNG TÁC Y TẾ
DỰ PHÒNG - DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**
*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác Y tế dự phòng - Dân số trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước triển khai thực hiện công tác Y tế dự phòng - Dân số trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

Chương II

QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI

Điều 3. Nội dung và mức chi tổ chức tập huấn, tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung phòng, điều trị, chăm sóc cho người bệnh

1. Trường hợp tổ chức tập huấn, tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn tập trung:

a) Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phong, bạt (nếu có): Mức chi thực hiện theo hợp đồng (trong trường hợp thuê dịch vụ) hoặc giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp (giấy biên nhận hoặc hóa đơn);

b) Tiền nước uống cho người tham dự: theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

c) Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên, người thực hiện tư vấn: Mức chi 500.000 đồng/người/buổi.

2. Trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: Hỗ trợ người thực hiện tư vấn: 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng. Số lượng người tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số quyết định.

3. Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng: Ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành, được hỗ trợ theo đối tượng tư vấn với mức 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng.

Điều 4. Nội dung và mức chi hỗ trợ các cơ sở y tế được giao nhiệm xây dựng, triển khai mô hình quản lý, phát hiện và ghi nhận bệnh nhân các bệnh không lây nhiễm (gồm bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, tai biến mạch não/đột quỵ não, nhồi máu cơ tim, ung thư, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản, sức khỏe tâm thần) theo quy định của Bộ Y tế.

Mức hỗ trợ 200.000 đồng/bệnh/cơ sở y tế/tháng để thực hiện các nội dung sau:

- Lập phiếu đánh giá nguy cơ bệnh, lập phiếu ghi nhận, lập bảng phỏng vấn bệnh nhân (nếu có).

- Lập hồ sơ bệnh án hoặc sổ theo dõi định kỳ bệnh nhân theo yêu cầu của Chương trình.

- Tư vấn phòng, chống các bệnh không lây nhiễm, bao gồm cả hướng dẫn về tuân thủ điều trị và tư vấn chăm sóc sức khỏe

Điều 5. Nội dung và mức chi hỗ trợ khám sàng lọc, phát hiện, quản lý sàng lọc, tham gia chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng; khám bệnh, chữa bệnh kết hợp quân dân y

1. Chi phí xét nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm sinh thiết, làm tiêu bản mô bệnh học và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế (nếu có). Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở y tế công lập hiện hành.

2. Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí hiện hành:

a) Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu trong các đợt khám sàng lọc: 7.000 đồng/mẫu.

b) Người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sỹ, y sỹ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm): Mức hỗ trợ là 125.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là xã đặc biệt khó khăn); 90.000đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại.

c) Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức hỗ trợ 65.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn; 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại.

Người tham gia khám sàng lọc chỉ được hưởng 01 mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản này.

Điều 6. Nội dung và mức chi hỗ trợ giám sát dịch tễ học, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát dinh dưỡng, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mất cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh, tật bẩm sinh, giám sát điều kiện, vệ sinh trường học

Cán bộ y tế, dân số tham gia giám sát được hỗ trợ mức 40.000 đồng/người/ngày đi giám sát ngoài chế độ công tác phí quy định tại văn bản hiện hành.

Điều 7. Nội dung và mức chi hỗ trợ cộng tác viên y tế, dân số tại xã, phường, thị trấn

1. Đối tượng (nhân viên y tế thôn bản hoặc đối tượng khác) và số lượng cộng tác viên của từng xã, phường, thị trấn: Thủ trưởng cơ quan y tế tại địa phương quyết định đối với các dự án, hoạt động bắt buộc phải có cộng tác viên.

2. Mức hỗ trợ cộng tác viên như sau:

a) Đối với xã vùng III, xã đặc biệt khó khăn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 200.000 đồng/người/tháng;

b) Đối với các xã, phường còn lại: 150.000 đồng/người/tháng.

Điều 8. Nội dung và mức chi đặc thù hoạt động phòng, chống phong

1. Chi mua, sản xuất vật dụng đặc thù để trang cấp cho bệnh nhân phong theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế. Mức chi theo hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hoá trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí hiện hành. Mức hỗ trợ như sau:

a) Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6-9 tháng: 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

b) Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12-18 tháng: 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

3. Chi hỗ trợ cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán: mức chi 200.000 đồng/bệnh nhân.

Điều 9. Nội dung và mức chi đặc thù hoạt động phòng, chống lao

1. Chi mua thuốc điều trị cho bệnh nhân lao (khi có quy định của Bộ Tài chính về thanh toán thuốc chống lao từ Quỹ bảo hiểm y tế cho các đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế thì ngân sách nhà nước chỉ đảm bảo cho các đối tượng chưa được thanh toán thuốc chống lao từ Quỹ bảo hiểm y tế). Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi AFB) tại cộng đồng: Mức hỗ trợ: 30.000 đồng/bệnh nhân lao AFB.

3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế xã trực tiếp khám và đưa bệnh nhân lao tới tổ chống lao tuyến huyện:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 50.000 đồng/xã/tháng.

b) Đối với các xã còn lại: 30.000 đồng/xã/tháng.

4. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 170.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng; 150.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 200.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 400.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

b) Đối với các xã còn lại: 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng; 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 150.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 300.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

Điều 10. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống sốt rét

1. Chi mua thuốc, hóa chất, bình phun hóa chất, vật tư phòng, chống sốt rét. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt rét tại gia đình:

a) Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu.

b) Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt rét (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu. Trong đó:

- Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, bảo quản, vận chuyển: 10.000 đồng/mẫu.

- Chi hỗ trợ người làm xét nghiệm mẫu bệnh phẩm: 15.000 đồng/mẫu.

c) Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu. Trong đó:

- Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, bảo quản, vận chuyển: 10.000 đồng/mẫu.

- Chi hỗ trợ người làm xét nghiệm mẫu bệnh phẩm: 20.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi: 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng.

4. Chi hỗ trợ người làm môi và người đi bắt muỗi đêm: 130.000 đồng/người/đêm.

5. Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định

mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 11. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết

1. Chi mua hóa chất, bình phun hóa chất, trang thiết bị, vật tư phòng, chống sốt xuất huyết. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt xuất huyết tại gia đình:

a) Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu.

b) Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu. Trong đó:

- Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, bảo quản, vận chuyển: 10.000 đồng/mẫu.

- Chi hỗ trợ người làm xét nghiệm mẫu bệnh phẩm: 15.000 đồng/mẫu.

c) Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu. Trong đó:

- Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, bảo quản, vận chuyển: 10.000 đồng/mẫu.

- Chi hỗ trợ người làm xét nghiệm mẫu bệnh phẩm: 20.000 đồng/mẫu.

3. Hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi, người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch như sau:

a) Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

b) Chi hỗ trợ cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình): 3.000 đồng/hộ/lần, mức hỗ trợ một ngày tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 12. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

1. Chi mua thuốc điều trị cho bệnh tâm thần. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi phát hiện, quản lý và điều trị sớm cho bệnh nhân tâm thần: Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi.

3. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình: 150.000 đồng/xã/tháng.

Điều 13. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt

Chi hỗ trợ cán bộ y tế trong đợt khám sàng lọc, chiến dịch:

1. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: 20.000 đồng/mẫu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu, mức chi: 5.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt 2.000 đồng/mẫu.

4. Chi hỗ trợ khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát 10.000đ/người được khám.

5. Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu: 10.000 đồng/người.

Điều 14. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản

Chi hỗ trợ cán bộ y tế cơ sở hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng: Mức hỗ trợ là 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/cán bộ y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

Điều 15. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động tiêm chủng mở rộng

1. Chi mua bơm kim tiêm, hộp an toàn, vật tư cho tiêm chủng mở rộng. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 8 liều theo quy định của Chương trình.

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 3.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin.

b) Đối với các xã còn lại: 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin.

3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung.

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).

b) Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).

4. Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/người được tiêm đủ liều.

b) Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều.

Điều 16. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

1. Chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản.

a) Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại xã thuộc tỉnh có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con.

b) Mức hỗ trợ: 300.000 đồng/người tự nguyện triệt sản.

c) Hỗ trợ chi phí đi lại đối với người tự nguyện triệt sản đến trung tâm làm kỹ thuật triệt sản, cán bộ y tế xuống xã hoặc các cụm kỹ thuật làm phẫu thuật: Mức hỗ trợ theo giá vé phương tiện vận tải công cộng; nếu tự túc phương tiện đi lại, vận chuyên đường bộ (nếu cần thiết): Mức hỗ trợ tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.

2. Cấp miễn phí phương tiện tránh thai theo danh mục do Bộ Y tế ban hành

Đối tượng được cấp miễn phí phương tiện tránh thai: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại xã thuộc tỉnh có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con.

3. Chi thực hiện dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình, xử lý tai biến theo chuyên môn y tế đối với đối tượng tự nguyện triệt sản và người được cấp miễn phí phương tiện tránh thai:

a) Chi thực hiện dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình và xử lý tai biến theo chuyên môn y tế: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành.

b) Chi hỗ trợ tiêm thuốc tránh thai: Theo giá dịch vụ tiêm hiện hành đối với cơ sở y tế công lập.

4. Chi hỗ trợ sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh:

a) Đối tượng được hỗ trợ thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh: là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc dioxin và chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

b) Nội dung và mức chi của hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh:

- Chi khám, siêu âm, xét nghiệm cần thiết để sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định: Mức chi theo giá dịch vụ khám chữa bệnh hiện hành (chi phí này đã bao gồm lấy mẫu máu mao mạch, mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh, mẫu máu ngón tay bà mẹ trong sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh).

- Chi gửi thông báo kết quả sàng lọc của đối tượng (bao gồm cả kết quả âm tính hoặc dương tính) theo giá cước dịch vụ bưu điện hiện hành (nếu có).

- Chi phí đi lại khi phải chuyển tuyến theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật và chỉ định của thủ trưởng cơ sở khám chữa bệnh thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo thẩm quyền: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định chi phí đi lại tại các văn bản hiện hành.

5. Chi khám sức khỏe tiền hôn nhân theo chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.

a) Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc đioxin.

b) Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành.

6. Chi cập nhật thông tin về dân số - kế hoạch hóa gia đình của hộ gia đình vào Sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình của cộng tác viên: 5.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại Sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới.

7. Chi chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

Chi khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi theo chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định. Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành.

Điều 17. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

1. Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: 6.000 đồng/người, tối đa 300.000 đồng/tháng.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

b) Đối với xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

Điều 18. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động an toàn thực phẩm

1. Lấy mẫu, phân tích, đánh giá một số chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định về chuyên môn được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

2. Chi kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể, kinh doanh thức ăn đường phố: mức chi 40.000 đồng/người/ngày đi giám sát ngoài chế độ công tác phí quy định tại văn bản hiện hành.

3. Chi thù lao người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí, trường hợp cán bộ đã được hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ thù lao này), mức chi: 100.000 đồng/người/ngày.

Điều 19. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

1. Hỗ trợ chi phí xét nghiệm HIV, nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (STI) phục vụ các hoạt động chuyên môn của Chương trình trong các đợt giám sát dịch tễ học HIV/AIDS, giám sát các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (gồm giám sát trọng điểm, giám sát phát hiện, giám sát trọng điểm lồng ghép giám sát hành vi và các chỉ số sinh học) của các đối tượng bắt buộc phải xét nghiệm HIV theo quy định của pháp luật; hỗ trợ chi phí xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai tự nguyện xét nghiệm HIV, trẻ em dưới 18 tháng tuổi sinh ra từ người mẹ nhiễm HIV/AIDS. Mức chi áp dụng theo giá dịch vụ khám chữa bệnh, giá dịch vụ khám và điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV công lập.

2. Chi hỗ trợ cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: mức hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng. Nhân viên tiếp cận cộng đồng đưa được đối tượng nguy cơ cao đi xét nghiệm có kết quả dương tính hoặc điều trị thuốc kháng HIV thì được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng, nhưng không quá 600.000 đồng/tháng. Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng mức hỗ trợ này và ngược lại.

3. Chi hỗ trợ sinh hoạt nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng hàng tháng: Hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng: 10.000 đồng/thành viên/tháng, nhưng tối đa 1.200.000 đồng/nhóm/năm; hỗ trợ tài liệu, phương tiện truyền thông, phương tiện bảo hộ lao động thu gom vật dụng can thiệp, đồng phục cho hoạt động của nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng theo theo hợp đồng, hoá đơn chứng từ và quy định của pháp luật về đầu thầu.

4. Hỗ trợ chi phí điều trị HIV/AIDS cho người bị nhiễm HIV do tai nạn nghề nghiệp, rủi ro của kỹ thuật y tế, người dân có nguy cơ rủi ro lây nhiễm HIV khi tham gia cứu nạn, phòng tội phạm, phụ nữ mang thai, trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, người dân tộc thiểu số (trừ đối tượng đã được cơ quan bảo hiểm xã hội thanh toán chi phí khám chữa bệnh từ nguồn Quỹ bảo hiểm y tế hoặc được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác): Chi phí thực hiện các xét nghiệm theo quy định của Bộ Y tế phục vụ công tác điều trị. Mức chi áp dụng theo giá xét nghiệm, giá dịch vụ khám và điều trị HIV/AIDS do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở điều trị HIV/AIDS công lập.

5. Chi hỗ trợ người lấy mẫu và thực hiện xét nghiệm HIV trong các cuộc điều tra, thanh tra, kiểm tra, giám sát:

a) Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm: 5.000 đồng/mẫu.

b) Chi hỗ trợ người làm xét nghiệm mẫu bệnh phẩm: 7.000 đồng/mẫu.

6. Chi ngoại kiểm phòng xét nghiệm. Mức chi theo giá dịch vụ ngoại kiểm phòng xét nghiệm do Bộ Y tế ban hành.